

NGƯỜI NÔNG DÂN VÀ CÔNG CỤ SẢN XUẤT TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

ĐỖ THANH HỒNG

Vấn đề *công cụ sản xuất*, không chỉ dừng lại ở các nghiên cứu của các ngành kỹ thuật, nó còn là *đối tượng nghiên cứu xã hội học*. Đó là cách tiếp cận nhằm *đo* được các *nhu cầu* và *thái độ xử sự* của nông dân với các công cụ sản xuất, trước các thực tế canh tác của họ, tìm ra các *lô gic xã hội* đã quyết định các *nhu cầu* và *thái độ xử sự* này.

Trong bài này, chúng tôi muốn bước đầu triển khai những tìm tòi của Viện Xã hội học về vấn đề nông dân với công cụ sản xuất trong nông nghiệp, chủ yếu là với công cụ trong canh tác lúa. Nguồn tài liệu sử dụng trong bài viết là một phần các kết quả nghiên cứu của Viện Xã hội học trong năm 1983, qua việc *phỏng vấn trực tiếp* và làm *enquête* với trên 1.000 hộ nông dân tập thể, tại một số xã đồng bằng Bắc Bộ.

I - THỰC TRẠNG CÔNG CỤ SẢN XUẤT TRONG CÁC THỰC TẾ CANH TÁC HIỆN NAY

1. Cơ cấu công cụ sản xuất:

Sau hơn 20 năm tập thể hóa nền sản xuất nông nghiệp, đến nay, cấu trúc của nền kinh tế Bắc Bộ vẫn là sự xen kẽ các *chủ thể kinh tế* ở các hình thức và quy mô khác nhau: gia đình, hợp tác xã và Nhà nước (huyện, tỉnh). Bên cạnh hình thái sản xuất tập thể mới xã hội chủ nghĩa, đã được hình thành rộng khắp, vẫn cứ tồn tại những hình thức sản xuất tư nhân mang nặng tính chất tiểu nông, manh mún. *Những đặc trưng của cấu trúc kinh tế này đương nhiên cũng bộc lộ ngay cả trong cơ cấu công cụ sản xuất*, nghiên cứu của Lê-nin về “*sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga*” đã cung cấp cho chúng tôi cơ sở phương pháp luận để phát hiện *cơ cấu kinh tế* của công cụ sản xuất trong nông nghiệp lúa ở Bắc Bộ, hiện nay.

Một cách khái quát, có thể nhận thấy các công cụ sản xuất hiện nay được sắp xếp trong một *cơ cấu hai mặt* như sau:

a) Mặt trình độ kỹ thuật:

Công cụ truyền thống ⁽¹⁾	Công cụ cải tiến ⁽²⁾	Công cụ hiện đại ⁽³⁾
<ul style="list-style-type: none"> - Sức kéo: trâu, bò - Vận tải: thuyền, trâu, bò, gánh. - Nông cụ cầm tay: cày, bừa, cuốc, cào, gầu, guồng, v.v... 	<ul style="list-style-type: none"> - Xe cải tiến - Máy quạt thóc (quạt hòm) - Máy tuốt lúa - Bình phun thuốc sâu v.v... 	<ul style="list-style-type: none"> - Máy kéo - Máy cày nhỏ - Máy bơm nước - Trạm bơm điện - Máy xay xát - Máy nghiền thức ăn gia súc v.v...

b) Mặt trình độ sở hữu:

Sở hữu gia đình	Sở hữu nhóm gia đình	Sở hữu tập thể	Sở hữu Nhà nước
<div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="width: 45%; text-align: center;"> Công cụ truyền thống Công cụ cải tiến </div> <div style="width: 45%; text-align: center;"> Công cụ truyền thống Công cụ cải tiến </div> </div>	<div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="width: 45%; text-align: center;"> Công cụ truyền thống Công cụ cải tiến </div> <div style="width: 45%; text-align: center;"> Công cụ hiện đại (hạn chế) Công cụ cải tiến </div> </div>	<div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="width: 45%; text-align: center;"> Công cụ truyền thống Công cụ cải tiến </div> <div style="width: 45%; text-align: center;"> Công cụ hiện đại (hạn chế) Công cụ cải tiến </div> </div>	Công cụ hiện đại (bao gồm toàn bộ các máy móc nông nghiệp: - sản xuất trong nước; - nhập nội)

Về mặt lý luận, khi thực hiện chế độ tập thể hóa nền sản xuất nông nghiệp và đưa nó từng bước đi lên sản xuất lớn, chúng ta tính đến hai quá trình: một là, *tăng cường sự hợp tác trong tập thể nông dân với những ưu thế của nó trên trình độ công cụ thô sơ*. Hai là, *dần dần tăng tính phụ thuộc giữa lao động sống của nông dân vào các công cụ hiện đại dựa trên sở hữu công cộng*. Như vậy, cơ cấu này đã giả định những mâu thuẫn có thể xảy ra giữa các trình độ kỹ thuật và trình độ sở hữu công cụ cũng như những mâu thuẫn giữa các quan hệ hợp tác và quan hệ phụ thuộc xung quanh công cụ.

2. Các mâu thuẫn xung quanh công cụ sản xuất:

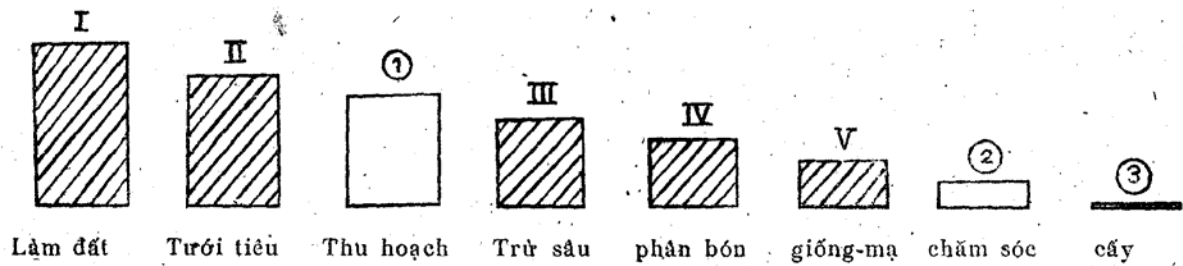
Xã hội học thực nghiệm đã đóng vai trò quan trọng trong việc phát hiện các mâu thuẫn này từ các thực tế sản xuất hiện nay.

Để phát hiện các mâu thuẫn này, chúng tôi đã xuất phát từ việc *tìm hiểu vai trò, chức năng của các công cụ trong sản xuất*, trước hết là *khảo sát về mức độ sử dụng công cụ trong các khâu canh tác*. Các ý kiến đánh giá của nông dân đã cho phép chúng tôi hình dung một *thang mức độ sử dụng công cụ trong 8 khâu canh tác* như sau: (xem biểu đồ I).

Thang này bộc lộ các thực tế sau đây: nói chung, *mức độ sử dụng công cụ gần như giảm dần đều từ khâu làm đất đến khâu cấy*. Mặt khác, *mức độ này cũng giảm dần từ 5 khâu do tập thể (hợp tác xã) và Nhà nước (huyện, tỉnh) đảm nhiệm, đến 3*

^{1, 2, 3}. V. I. Lê-nin, còn gọi là “nông cụ nguyên thủy”, “nông cụ cải tiến” và “máy móc nông nghiệp”, Xem “sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga”, “việc sử dụng máy móc trong nông nghiệp”, trang 267, V. I. Lê - nin, Toàn tập, tập 3. NXB Tiến Bộ, Mát-xcơ-va. 1976.

Biểu đồ I:



I → V : 5 khâu do tập thể đảm nhiệm.

1 → 3: 3 khâu do nhóm và người lao động đảm nhiệm.

khâu do nhóm và người lao động đảm nhiệm. Nếu như, ở khâu làm đất, mức độ sử dụng công cụ là cao nhất, bao gồm sự kết hợp cả công cụ truyền thống lẫn công cụ hiện đại, thì ở khâu cấy, mức độ sử dụng công cụ lại gần bằng 0 (ngoài sợi dây chằng thẳng hàng, thậm chí cũng không cần đến nữa) ⁽²⁾. Người ta cũng thấy mức độ sử dụng công cụ của các gia đình nông dân trong khâu thu hoạch (gặt, đập, phơi, rê, vận chuyển) là khá cao và ngược lại, cường độ lao động của phụ nữ ở khâu cấy lại lớn, tỷ lệ nghịch với mức độ sử dụng công cụ ở khâu này.

Từ các thực tế trên đây có thể nhận thấy: có sự xung đột trong vai trò, chức năng giữa các loại công cụ ở các trình độ kỹ thuật và trình độ sở hữu khác nhau trong 5 khâu do tập thể đảm nhiệm.

Để kiểm nghiệm nhận xét này, chúng tôi đã đo xem sự đầu tư công cụ và hao phí lao động giữa tập thể và các gia đình xã viên trong 5 khâu này như thế nào? Dưới đây là ý kiến đánh giá của 610 nông dân ở 2 xã thuộc tỉnh Thái Bình về khía cạnh này. Các ý kiến đánh giá được sắp xếp thành hai loại. Loại I: gồm các ý kiến cho rằng mức đầu tư của tập thể là nhiều hơn. Loại II: gồm các ý kiến cho rằng mức đầu tư của gia đình xã viên là nhiều hơn.

5 khâu do tập thể đảm nhiệm	Làm đất		Tưới tiêu		Trừ sâu		Phân bón		Giống mạ	
	I	II	I	II	I	II	I	II	I	II
Xã Đông - cơ	45,2	41,9	26,6	56,6	34,2	28,9	15,8	60,7	26,4	58,4
Xã Đông - dương	40,1	43,2	38,9	42,8	94,4	15,2	11,3	79,4	30,4	62,6
Trung bình	42,6	42,5	32,7	49,7	64,3	22	13,5	70	28,4	60,5
Tương quan giữa I và II	1/1		~ 1/1		~ 3/1		~ 1/5		~ 1/2	

² Cần nhấn mạnh thêm: đã có lúa, vào những năm 1960, người ta đã làm ra “máy cấy lúa”. Nhưng hiện nay, gần như không thấy loại máy này trong nông nghiệp.

Các ý kiến đánh giá trong bảng này bộc lộ *hai xu hướng* sau đây:

Ở khâu *làm đất* trung bình cứ có 42,6% ý kiến cho rằng mức đầu tư của tập thể nhiều hơn, thì lại có 42,5% ý kiến xác nhận rằng ở khâu này, các hộ xã viên đầu tư nhiều hơn. Ở khâu *tưới tiêu*, các ý kiến đánh giá cũng diễn ra tương tự. Như vậy, với hai khâu này, xu hướng ý kiến có tương quan là (khâu *làm đất* hoặc ~1/1 (khâu *tưới tiêu*), người ta thấy *vai trò đầu tư giữa tập thể và gia đình xã viên là ngang nhau*.

- Trái lại, với các khâu *trừ sâu, phân bón, giống mạ*, các ý kiến đánh giá đã diễn ra theo một xu hướng khác. Ở khâu *trừ sâu*, ý kiến I chiếm ưu thế (tương quan ~3/1). Còn ở các khâu *phân bón, giống mạ* thì ý kiến I chiếm ưu thế (tương quan ~ 1/5 và ~ 1/2). Như vậy, *vai trò đầu tư của hợp tác xã chỉ được xác nhận ở khâu trừ sâu, còn khâu phân bón và giống mạ thì mức đầu tư của gia đình xã viên nhiều hơn*.

Như thế, các xu hướng ý kiến trên đây không chỉ xác nhận nhận xét đã nêu ở trên mà còn cho phép hiểu rõ sự *xung đột trong vai trò, chức năng giữa các loại công cụ ở các trình độ kỹ thuật và trình độ sở hữu công cụ khác nhau, đã xảy ra tập trung nhất ở các khâu làm đất, tưới tiêu*. Người ta nhận thấy các công cụ thuộc sở hữu tập thể và sở hữu Nhà nước vẫn còn đóng một vai trò hạn chế trong hai khâu canh tác cơ bản này. *Đây là nguyên nhân dẫn đến hiện tượng về sự khắc phục các sức kéo truyền thống (trâu, bò) và nhiều nông cụ nguyên thủy khác (cày, bừa, gầu, guồng, v.v...), vốn vẫn có vai trò quan trọng trong hai khâu này*.

Xã hội học giải thích thế nào về các thực tế trên đây? Để trả lời câu hỏi này, chỉ có thể xuất phát từ cơ cấu hai mặt của các công cụ sản xuất hiện nay. Thật vậy, *chính là các mâu thuẫn giữa trình độ kỹ thuật và trình độ sở hữu công cụ, cũng như giữa các quan hệ hợp tác và quan hệ phụ thuộc xung quanh công cụ sản xuất, đã là nguyên nhân của các thực tế này*. Trên logic hình thức chúng ta có thể nghĩ rằng: trong 8 khâu canh tác, mức độ sử dụng công cụ càng lớn, cường độ lao động càng giảm, và ngược lại (từ khâu *làm đất* đến khâu *cày*). Mặt khác, 5 khâu do tập thể và Nhà nước đảm nhiệm mức độ sử dụng công cụ là trội hẳn so với 3 khâu do người lao động đảm nhiệm. Cũng như vậy, mức đầu tư công cụ của tập thể và Nhà nước là ưu tiên cho 5 khâu và đặc biệt là với các khâu *làm đất, tưới tiêu*. Như vậy, dường như sẽ không có mâu thuẫn giữa trình độ kỹ thuật và trình độ sở hữu công cụ, cũng không có mâu thuẫn giữa quan hệ hợp tác và quan hệ phụ thuộc trong vấn đề công cụ. Song kết quả của các nghiên cứu xã hội học thực nghiệm không thừa nhận cách xem xét này và nó phát hiện một *logic khác*: ở trình độ hiện nay của công cụ sản xuất, đã xảy ra những mâu thuẫn giữa quan hệ hợp tác với quan hệ phụ thuộc; giữa quan hệ phụ thuộc với *tính chủ động* của người nông dân trong thực tế sản xuất. Để giảm nhẹ các mâu thuẫn này, bằng kinh nghiệm, nông dân đang tìm cách chủ động hơn về công cụ và các tư liệu sản xuất có thể tìm lại ở nền tiểu nông truyền thống.

II - THANG NHU CẦU VÀ CÁC XU HƯỚNG XỬ SỰ CỦA NÔNG DÂN ĐỐI VỚI CÔNG CỤ SẢN XUẤT

Trước thực trạng trên về công cụ sản xuất, một câu hỏi được đặt ra: trong thực tế, *nhu cầu* và các *xu hướng xử sự* của nông dân đối với công cụ là như thế nào? Các kết quả nghiên cứu dưới đây sẽ góp phần trả lời câu hỏi này.

Để có cơ sở tìm hiểu nhu cầu và các xu hướng xử sự của nông dân, chúng tôi đã tiến hành *quan sát* và *phỏng vấn* trên một diện khá đông đảo nông dân ở một số xã đồng bằng Bắc Bộ, để nắm được *tình hình công cụ mà họ đang sử dụng vào sản xuất*. Tình hình này được khái quát như sau:

- Nói chung, *số lượng chủng loại các công cụ sản xuất hiện có của các gia đình nông dân đang ở tình trạng thiếu thốn khá trầm trọng*. Không chỉ với trâu, bò, loại súc kéo truyền thống, được xem như “*đầu cơ nghiệp*” của nghề nông, mà các *công cụ cầm tay* giản đơn nhất (cày, bừa, cuốc, cào, v.v...) nhiều gia đình cũng không có. Tất cả các dữ kiện về sự thiếu thốn công cụ này, được chúng tôi xem như một *chỉ báo có ý nghĩa xã hội học về một thực tế đã qua, của sự tách rời nông dân, người lao động trực tiếp, ra khỏi các công cụ ở trình độ kỹ thuật thô sơ*. Đương nhiên, sau khoán sản phẩm, sự thiếu thốn này cũng đóng góp vào nguyên nhân tái tạo lại nhu cầu của nông dân nhằm phục hồi các công cụ này trong sản xuất.

- *Các gia đình bản nông thuộc diện thiếu công cụ một cách phổ biến*. Họ đang cần được trang bị những công cụ cơ bản nhất (trâu, bò, cày, bừa) để có thể tổ chức lao động gia đình trên phần ruộng nhận khoán.

- *Xét về quy mô gia đình, thì hiện tượng có đa số gia đình hạt nhân mới* (tức các gia đình chỉ gồm 2 thế hệ, trong đó có cặp vợ chồng và 1 đến 3 con, có từ 2 - 2,5 lao động) *hiện cũng ở tình trạng rất thiếu công cụ và có nhu cầu lớn về các công cụ cơ bản*. Đây là các gia đình đại diện cho toàn bộ các gia đình được hỏi, nằm trong mẫu thực nghiệm của chúng tôi. Những gia đình này vừa thiếu sức lao động, vừa thiếu những điều kiện vật chất cần thiết để tái sản xuất mở rộng.

Như vậy, tình hình trên đây đã là cơ sở khách quan cho việc nảy sinh các *nhu cầu* và các *xu hướng xử sự* của nông dân đối với công cụ sản xuất.

1. Thang nhu cầu:

Nhu cầu của nông dân về công cụ sản xuất gồm 2 nhóm: *nhóm các nhu cầu về các công cụ thuộc sở hữu gia đình và nhóm các nhu cầu về các công cụ thuộc sở hữu tập thể*. Các nhu cầu này được sắp xếp theo các *thang* tùy theo *quan niệm ưu tiên* của họ cho từng loại công cụ.

Để tìm hiểu *nhu cầu về các công cụ thuộc sở hữu gia đình*, chúng tôi đã hỏi xem nông dân đã *mua sắm* và *dự định mua sắm* những công cụ gì? Các cuộc thực nghiệm trên quy mô lớn của Viện xã hội học ở một số xã đồng bằng Bắc Bộ đã cho những kết quả tổng quát dưới đây.

Nói chung, nông dân đã lựa chọn công cụ bằng các kinh nghiệm của người trực tiếp sản xuất - nghĩa là họ ưu tiên sắm sửa những công cụ mà họ thấy là thích hợp nhất cho các hoàn cảnh canh tác hiện nay. *Thứ tự ưu tiên này đi từ các công cụ truyền thống đến các công cụ cải tiến và thấp nhất là các công cụ hiện đại*. Đặc biệt, sự ưu tiên này chủ yếu dành cho việc mua sắm các công cụ truyền thống, có chức năng trong các khâu *làm đất, tưới - tiêu, thu hoạch* (trâu, bò, cày, bừa, gầu, guồng, thuyền, con lăn đá v.v...), là các khâu có mức độ sử dụng công cụ cao nhất trong 8 khâu canh tác. *Con trâu, cái cày trên mảnh ruộng vượt nửa khoán*, đang là *mục tiêu kinh tế* của nhiều hộ nông dân. Tại một xã thuộc tỉnh Thái Bình, trong số 300 người được hỏi, có 20,2% dự định mua *trâu bò*; 12,8 % dự định sắm thêm *cuốc, cào, gầu, guồng, liềm*, 12,8 % dự

định mua *bừa* và 8,6% dự định *sắm cày*. Đây là các chỉ số tham khảo. Nhu cầu nông dân về các công cụ truyền thống như trên sẽ có chiều hướng tăng hơn nữa, nếu như các máy móc nông nghiệp thuộc sở hữu tập thể và sở hữu Nhà nước không phát huy được vai trò của nó trong các khâu *làm đất, tưới tiêu*.

Ở một số địa phương, nông dân không chỉ mua sắm các công cụ truyền thống, mà họ còn dành ưu tiên đáng kể cho việc trang bị những công cụ cải tiến. Tại một xã ở Hà Bắc, số công cụ cải tiến như *máy tuốt lúa, quạt hòm, bình phun thuốc trừ sâu, xe cải tiến* đã trở thành các công cụ thông dụng. Tại xã này, trong số 422 gia đình được hỏi, có 13,9% gia đình đã mua *máy tuốt lúa*; 73,6% gia đình đã mua *bình phun thuốc trừ sâu*; 87,5% gia đình đã mua *xe cải tiến*. Hiện tượng các công cụ cải tiến này được phân bố khá đồng đều trong các gia đình của toàn xã, được xem như một *chỉ báo về sự thông dụng hóa công cụ cải tiến trong nông dân Bắc - Bộ*. Đây là một thực tế có ý nghĩa về nguyện vọng muốn biến đổi trình độ canh tác, dù ở mức độ nhất định, được phản ánh trong nhu cầu nông dân về loại công cụ này.

Đáng lưu ý là, có một số ít gia đình nông dân đã ưu tiên mua sắm một số máy móc nông nghiệp hiện đại. Ở xã trên thuộc tỉnh Hà Bắc, có 2 gia đình đã mua *máy xát gạo*, 10 gia đình đã mua *máy bơm nhỏ*. Đây là các loại máy đa tính năng, mới được một số gia đình mua sắm và sử dụng từ sau khoán sản phẩm.

Từ tình hình về nhu cầu của nông dân đối với công cụ sản xuất như trên, có thể rút ra nhận xét: nếu sắp xếp các nhu cầu này thành một *thang thống nhất*, người ta sẽ nhận thấy *độ dao động trong nhu cầu công cụ của nông dân không lớn và có xu hướng ổn định tương đối trong sự ưu tiên cho hai nhóm công cụ truyền thống và công cụ cải tiến*. Điều chúng tôi ghi nhận là: *nông dân đã kết hợp có hiệu quả vai trò, chức năng của hai nhóm công cụ này trong khuôn khổ thuộc sở hữu gia đình và nhóm gia đình*. Tuy vậy, không loại trừ khả năng cá biệt, nhu cầu về máy móc hiện đại ở một số địa phương đang trở thành thực tế. Song xét cho cùng, nông dân sẽ gặp phải các khó khăn về nhiên liệu (xăng, dầu), động cơ, phụ tùng thay thế, trình độ am hiểu máy móc và tiền vốn đầu tư. Như vậy, *nhu cầu này chưa đủ ổn định*.

Bên cạnh nhu cầu về các công cụ thuộc sở hữu gia đình trên đây, nông dân cũng cho biết *nhu cầu của họ đối với công cụ sản xuất thuộc khu vực tập thể*. Quả thật, họ vẫn *dứt khoát lựa chọn việc ưu tiên đầu tư cho các công cụ thuộc sở hữu tập thể và sở hữu Nhà nước, hơn là buộc phải đầu tư cho công cụ thuộc sở hữu gia đình*. Có 422 hộ nông dân tập thể đã trả lời về vấn đề này như sau:

Phân trăm ý kiến đánh giá về nhu cầu đầu tư công cụ sản xuất cho khu vực tập thể và gia đình

	Trâu bò	Máy cày	Máy bừa	Máy xay xát	Máy bơm nước
Đầu tư cho hợp tác xã	47,2	46,7	24,2	14,6	8
Đầu tư cho gia đình	14,2	6,8	2,6	4,2	2,8

Từ tình hình các thang nhu cầu trên đây, chỉ có thể nghĩ rằng nông dân đã phải xử sự thế nào trước bài toán về vấn đề công cụ sản xuất hiện nay.

2. Các hướng xử sự của nông dân với công cụ sản xuất.

Tùy theo đặc điểm trong cơ cấu công cụ và mối quan hệ hợp tác, quan hệ phụ thuộc xung quanh công cụ sản xuất ở mỗi địa phương mà nông dân đã có những cách xử sự khác nhau. Khái quát, các cách xử sự này là như sau:

a) Trước cơ cấu 2 mặt của công cụ: có 3 xu hướng xử sự:

- Xu hướng phục hồi các công cụ truyền thống
- Xu hướng thông dụng hóa các công cụ cải tiến
- Xu hướng thể nghiệm các công cụ hiện đại.

Các xu hướng này đương nhiên cũng bộc lộ những cảnh xử sự của nông dân trước các hình thái sở hữu công cụ khác nhau.

b) Trước các mâu thuẫn trong quan hệ hợp tác và quan hệ phụ thuộc, có 3 xu hướng xử sự khác, đồng thời tồn tại với 3 xu hướng trên:

- Xu hướng chủ động: tích cực sửa chữa công cụ, phục hồi sản xuất, tìm cách biến đổi trình độ canh tác, nâng cao trình độ thâm canh trên mảnh ruộng khoán, sử dụng công cụ để cho thuê hoặc làm thuê. Vừa vượt sản trên ruộng khoán, vừa tăng thu nhập bằng tiền do làm thuê.

- Xu hướng thụ động: chờ đợi vào tập thể và Nhà nước không tích cực trang bị công cụ, tiếp tục dùng sức lực để thay thế công cụ, chỉ nhận ruộng khoán ở mức độ thấp, không có ý thức biến đổi trình độ canh tác, thu nhập không sử dụng để trang bị công cụ mà dùng vào các việc làm nhà, cưới xin, ma chay, giỗ chạp.

- Xu hướng thay đổi đối tượng canh tác; trả ruộng, quay sang đất 5%, đất ao - vườn, dồn đầu tư vốn vào kinh tế gia đình.

*

* *

Từ các thực tế trên đây về tình hình công cụ sản xuất ở nông thôn Bắc bộ, có thể rút ra vài kết luận sơ bộ, liên quan đến thực tiễn phát triển nền nông nghiệp hiện nay.

1. Trong bước đi ban đầu, cần tính đến tính linh hoạt của việc giải quyết các mâu thuẫn trong cơ cấu hai mặt của công cụ, cũng như các mâu thuẫn giữa quan hệ hợp tác và quan hệ phụ thuộc xung quanh công cụ, để phát huy tính chủ động của nông dân trong sản xuất.

2. Các cấp độ sở hữu và sử dụng các công cụ sản xuất là một thực tế phải tính đến, để làm thế nào ngày một tăng cường chế độ sở hữu tập thể của hợp tác xã và Nhà nước về các công cụ sản xuất, trước hết là những công cụ hiện đại, trong khi tận dụng khả năng các cấp đội sản xuất và gia đình về mua sắm và cải tiến những công cụ khác.

3. Công nghiệp phải làm như thế nào để thực hiện sự kết hợp giữa công nông nghiệp, trong việc chế tạo, cải tiến các công cụ sản xuất phù hợp với thực tế các quan hệ hiện thực đối với các công cụ ấy.

Như vậy, giải quyết vấn đề công cụ sản xuất trong nông nghiệp hiện nay, thực chất là kết hợp chặt chẽ việc cải tiến, hiện đại hóa và tập thể hóa một cách linh hoạt toàn bộ cơ cấu công cụ; đồng thời củng cố các quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa trên bình diện các công cụ sản xuất.